

Số: 10/NQ-HĐKĐCLGD

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng đã họp ngày 22/4/2018 để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Xây dựng Miền Tây. Hội đồng đã nghiên cứu Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Hội đồng đã nghe đại diện lãnh đạo Nhà trường báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá, đại diện Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài báo cáo tóm tắt quy trình và tổng hợp kết quả đánh giá ngoài. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Xây dựng Miền Tây với số phiếu tán thành là 9/11/11.

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu của phiên họp, Hội đồng:

QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Trường Đại học Xây dựng Miền Tây đã thực hiện đánh giá chất lượng theo đúng các quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch; kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Xây dựng Miền Tây cho thấy, số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 50 tiêu chí (trong tổng số 61 tiêu chí), chiếm 81,97%. Trong đó, tất cả các tiêu chuẩn đều có ít nhất 01 tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (Phụ lục 1).

2. Kết quả đánh giá cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh (Phụ lục 2), tuy nhiên cũng còn những điểm cần phải khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng kiến nghị với Nhà trường các giải pháp cải tiến chất lượng (Phụ lục 3).

3. Căn cứ theo Điều 27, Thông tư số 62/2012/BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng kiến nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng

nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Xây dựng Miền Tây theo các quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD

CHỦ TỊCH

(đã ký)

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

– ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. Đoàn Quang Vinh

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHDN)

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ (TĐG) VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI (ĐGN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	TĐG	ĐGN
Tiêu chuẩn 1:		
Tiêu chí 1.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 1.2	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 2:		
Tiêu chí 2.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.2	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 2.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 2.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 3:		
Tiêu chí 3.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chuẩn 4:		
Tiêu chí 4.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.6	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 4.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 5:		
Tiêu chí 5.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.4	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 5.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.8	Đạt	Đạt

Tiêu chuẩn, tiêu chí	TĐG	ĐGN
Tiêu chuẩn 6:		
Tiêu chí 6.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.7	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 6.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.9	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 7:		
Tiêu chí 7.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.4	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 7.5	Chưa đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 7.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 8:		
Tiêu chí 8.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.3	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chuẩn 9:		
Tiêu chí 9.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 9.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.9	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 10:		
Tiêu chí 10.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 10.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 10.3	Đạt	Đạt

TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí trong từng tiêu chuẩn	Kết quả đánh giá			
		Đạt		Chưa đạt	
		Số tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Số tiêu chí	Tỷ lệ (%)
Tiêu chuẩn 1	2	2	100%	0	0%
Tiêu chuẩn 2	7	5	71,43%	2	28,57%
Tiêu chuẩn 3	6	5	83,33%	1	16,67%
Tiêu chuẩn 4	7	6	85,71%	1	14,29%
Tiêu chuẩn 5	8	7	87,50%	1	12,50%
Tiêu chuẩn 6	9	8	88,89%	1	11,11%
Tiêu chuẩn 7	7	5	71,43%	2	28,57%
Tiêu chuẩn 8	3	2	66,67%	1	33,33%
Tiêu chuẩn 9	9	8	88,89%	1	11,11%
Tiêu chuẩn 10	3	2	66,67%	1	33,33%
Tổng	61	50	81,97%	11	18,03%

TỔNG HỢP

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/tổng số	50/61	11/61	0
Tỷ lệ %	81,97%	18,03%	0

PHỤ LỤC 2

CÁC ĐIỂM MẠNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐN)

1) Sứ mạng và mục tiêu trường đại học

Ngay sau khi được thành lập, sứ mạng đầu tiên của Nhà trường đã được xác định và tuyên bố ngày 15/8/2012, sau đó được rà soát và điều chỉnh vào năm 2015 và gần đây nhất vào năm 2017, được công bố rộng rãi trên các văn bản chính thức, bảng tin, pa-nô trong hội trường, khuôn viên và brochure (bản tin) giới thiệu về Trường. Sứ mạng của Trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường, gắn kết với kế hoạch phát triển KT-XH và nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương.

Mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của Nhà trường được xác định trong các Kế hoạch chiến lược phát triển trường ban hành năm 2014, được bổ sung và điều chỉnh năm 2017 cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới. Mục tiêu của Nhà trường phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học, phù hợp với sứ mạng và được triển khai thực hiện thông qua các Kế hoạch phát triển trong từng giai đoạn và kế hoạch năm học.

2) Tổ chức và quản lý

Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động năm 2012, xác định cơ cấu tổ chức và thành lập các đơn vị chức năng, các khoa theo quy định của Điều lệ trường đại học và được Bộ Xây dựng phê duyệt. Trong quá trình hoạt động, Nhà trường có sự điều chỉnh và thành lập mới một số đơn vị nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và ban hành văn bản quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị của Trường. Hội đồng trường được thành lập gồm 15 thành viên và được Bộ Xây dựng phê duyệt ngày 27/9/2016.

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động; có Quy chế công tác văn thư, lưu trữ theo đúng quy định tại các Thông tư của Bộ Nội vụ về hướng dẫn xây dựng quy chế công tác văn thư, lưu trữ cũng như về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính. Nhà trường có Quy chế tổ chức và hoạt động cùng các văn bản bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường, các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn cũng như quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV, NV và người học của Trường.

Đảng bộ trường phát huy tốt vai trò lãnh đạo, thực hiện dân chủ cơ sở, tăng cường sự đoàn kết và phát triển Nhà trường. Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Hội SV, Hội Cựu chiến binh, Hội Khuyến học được thành lập và hoạt động trong

khuôn khổ của pháp luật và điều lệ, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục và sự phát triển của Trường, đã nhận được nhiều bằng khen của các cấp về thành tích hoạt động. Phòng KT&ĐBCL được thành lập năm 2012, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ KT&ĐBCL. Đội ngũ cán bộ của phòng có 09 người trong đó gồm 07 ThS và 02 có trình độ đại học, nhiều người đã tham gia các khoá tập huấn kỹ năng về tự đánh giá, hoạt động ĐBCL, các khoá đào tạo kiểm định viên KĐCLGD. Nhà trường cũng thành lập Hội đồng ĐBCLGD gồm 17 thành viên với nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về công tác ĐBCL.

Nhà trường đã ban hành “Định hướng phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030” tháng 02/2015, “Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” tháng 9/2017 xác định mục tiêu và định hướng phát triển của Trường trong từng giai đoạn. Nhà trường thực hiện báo cáo đầy đủ định kỳ và đột xuất cho Bộ Xây dựng, Bộ GD&ĐT và các đơn vị liên quan về số liệu thống kê và các mặt hoạt động của Trường, có quy định công tác lưu trữ và bảo quản văn bản, hồ sơ. Các văn bản lưu trữ được thực hiện bằng bản in và bản mềm.

3) Chương trình đào tạo

Trong giai đoạn từ 2012-2017 Nhà trường đã xây dựng 08 CTĐT theo đúng quy định của Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT và Thông tư số 07/2015/TT-BGD&ĐT. Các CTĐT có đầy đủ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể gồm mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng, thái độ và đạo đức nghề nghiệp, vị trí và khả năng công tác của SV sau khi ra trường; được thiết kế một cách hệ thống, có cấu trúc hợp lý đúng theo quy định. Bên cạnh 08 ngành đào tạo đại học CQ thì Nhà trường có tổ chức 06 ngành đào tạo giáo dục thường xuyên gồm đại học VLVH, liên thông CĐ đại học CQ và VLVH. Các CTĐT giáo dục thường xuyên của Nhà trường được thiết kế theo quy định. Trong năm học 2015-2016, Nhà trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh và ban hành 06 CTĐT phục vụ cho đào tạo tín chỉ. Các CTĐT của Nhà trường có sự liên thông giữa trình độ đào tạo CĐ và trình độ đại học, theo hình thức CQ và VLVH. Việc liên thông giữa các trình độ, các ngành học và các loại hình đào tạo được quy định rõ trong văn bản quy định xây dựng CTĐT của Nhà trường. Nhà trường đã tổ chức các hội thảo sơ kết, tổng kết công tác đào tạo theo học chế tín chỉ, hội nghị tổng kết công tác đào tạo để rút kinh nghiệm trong công tác quản lý đào tạo.

4) Hoạt động đào tạo

Nhà trường có nhiều hình thức đào tạo và trình độ khác nhau: Đại học hệ CQ và VLVH, liên thông CQ, liên thông VLVH. Với hệ CQ: 08 CTĐT trình độ

đại học, 05 CTĐT trình độ CĐ, 03 CTĐT liên thông từ CĐ lên đại học. Với hệ VLVH: 03 CTĐT trình độ đại học, 03 CTĐT liên thông từ CĐ lên đại học.

Nhà trường đã liên kết đào tạo với một số trường đại học trong nước để đào tạo liên thông hệ CQ từ trung cấp lên ĐH, đào tạo trình độ ĐH hệ VLVH; đào tạo cao học hệ CQ. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các lớp bồi dưỡng cấp chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ, Tư vấn giám sát, Tay nghề bậc thợ theo nhu cầu của các địa phương khu vực ĐBSCL.

Để quản lý tốt công tác đào tạo, bên cạnh việc sử dụng các quy chế của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành một số quy định riêng như: Quy định công tác học vụ theo hệ thống tín chỉ, Quy định công tác học vụ hệ VLVH trình độ đại học, Quy định về xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc học phần. Các hình thức tổ chức đào tạo đảm bảo các điều kiện chất lượng theo các quy định hiện hành.

Từ năm học 2012-2013, Nhà trường đã triển khai phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đối với tất cả các CTĐT của Trường. Để phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý đào tạo hệ tín chỉ, Nhà trường đã đầu tư và sử dụng phần mềm phục vụ việc tổ chức và quản lý quá trình đào tạo. Các biên bản hội nghị đối thoại SV tổ chức hằng năm cho thấy công tác tổ chức đào tạo của Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học học tập linh hoạt.

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường đã ban hành Quy định về khảo sát ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy của GV. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành kế hoạch khảo sát chất lượng của GV theo từng học kỳ.

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của GV được Phòng KT&ĐBCL triển khai từng học kỳ, thông qua hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp cho SV tại lớp trước khi kết thúc học phần. Nhà trường thường xuyên tổ chức hội giảng “Phương pháp giảng dạy tích cực”, có đánh giá và khen thưởng GV có phương pháp giảng dạy tích cực, lời cuốn. Nhà trường còn tổ chức hội nghị đối thoại SV 01 lần/năm, nhằm thu nhận ý kiến phản hồi của SV về mọi mặt hoạt động của Nhà trường.

Phòng KT&ĐBCL tiến hành xử lý dữ liệu và gửi báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát đến BGH, lãnh đạo các khoa và đến từng GV. Nhà trường tổ chức các buổi họp rút kinh nghiệm (do BGH chủ trì) về hoạt động giảng dạy của GV, dựa trên kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học, nhằm giúp GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy cho phù hợp.

Ý kiến của đồng nghiệp tại hội giảng “Phương pháp giảng dạy tích cực”, ý kiến phản hồi của người học, nhìn chung đánh giá tốt phương pháp và hoạt động giảng dạy của GV.

Trong kế hoạch năm học hằng năm, Nhà trường chú trọng triển khai việc bồi dưỡng GV nâng cao năng lực giảng dạy, bồi dưỡng về đổi mới phương pháp giảng dạy... Trong thời gian qua, Nhà trường đã cử nhiều GV tham gia các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm cho GV đại học; nhiều GV nhận được chứng nhận giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học tích cực, phương pháp giảng dạy...

Các quy định công tác học vụ của Nhà trường quy định rõ ràng về tỷ trọng điểm đánh giá học phần. Đề cương chi tiết các học phần có quy định về tiêu chí đánh giá học phần: điểm bộ phận đánh giá quá trình có trọng số 30-40%, điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60-70%, tỷ trọng điểm phù hợp với các quy định hiện hành. Các hình thức kiểm tra đánh giá điểm quá trình được khoa/bộ môn quy định, đảm bảo tính đa dạng trong đánh giá quá trình và được thông báo tới người học vào đầu mỗi học kỳ. Việc đánh giá cuối khóa học thông qua bảo vệ khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

Nhà trường đã ban hành nhiều quy định về công tác học vụ, quy định về ngân hàng đề thi, tổ chức thi kết thúc học phần... Các quy định trong tổ chức thực hiện và phương pháp thực hiện kiểm tra đánh giá của các hệ đào tạo/các hình thức đào tạo tương đối đồng nhất. Các học phần đều có ngân hàng đề thi kết thúc học phần, hệ đại học vừa làm vừa học sử dụng chung ngân hàng đề thi với hệ đại học CQ; thi kết thúc học phần được tổ chức chung, bài thi có rọc phách, đề thi, đáp án được bộ môn thông qua. Nhờ đó, Nhà trường đảm bảo tính khách quan, công bằng trong quá trình đánh giá, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Tỷ lệ người học đồng ý cho rằng việc đánh giá được thực hiện công bằng và phản ánh đúng năng lực của SV là khá cao (> 75%); các ý kiến của người học tại hội nghị đối thoại SV hằng năm không phản nản về tính khách quan, công bằng trong đánh giá kết quả người học. Nhà trường đã có quy định rõ ràng về thời hạn và cách thức phúc khảo kết quả thi học phần, kết quả đồ án tốt nghiệp; các đơn thư phúc khảo đều được Nhà trường giải quyết thỏa đáng.

Nhà trường đã ban hành nhiều quy định về công tác học vụ, trong đó quy định về thời gian nhập điểm và công bố kết quả học tập cho SV toàn trường, quy định rõ việc thông báo điểm cho người học và xác nhận kết quả học tập của người học, quy định phương thức phúc khảo và khiếu nại điểm. Người học các hệ được thông báo kịp thời, đầy đủ về kết quả học tập theo như quy định trong quy chế.

Kết quả thi cuối học phần, kết quả đánh giá quá trình của người học được lưu trữ dưới dạng văn bản in (tại Phòng KT&ĐBCL) và dưới dạng các tệp tin trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Mỗi SV có tài khoản riêng trên phần mềm đào tạo của Nhà trường và được phân quyền truy cập vào một phần trong các dữ liệu nói trên. Bài thi được lưu trữ ở kho lưu trữ của Phòng KT&ĐBCL, sổ cấp bằng, văn bằng, chứng chỉ được lưu trữ tại Phòng Quản lý đào tạo.

Việc cấp phát văn bằng chứng chỉ được Nhà trường thực hiện theo các quy định của Bộ GD&ĐT. Văn bằng và thông tin ghi trên văn bằng được cấp phù hợp quy định. Sổ cấp bằng được thiết kế theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Một số trường hợp sai sót về in ấn trên văn bằng đã được giải quyết theo quy định. Thông tin về SVTN được công bố công khai trên trang web của Nhà trường dưới dạng tệp tin điện tử theo từng khóa tốt nghiệp tại địa chỉ trên trang web và trên các bảng thông báo của Nhà trường. Có thể truy cập thông tin về tốt nghiệp và văn bằng tại địa chỉ: <http://online.mtu.edu.vn/>.

Nhà trường đã có hệ thống cơ sở dữ liệu tương đối đầy đủ, được quản lý tương đối khoa học và hệ thống, thuận tiện cho việc tra cứu. Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo, về các điều kiện ĐBCL được lưu trữ tại địa chỉ: <http://www.mtu.edu.vn/>. Dữ liệu về đào tạo (tuyển sinh, nhập học, lớp môn học, CTĐT, đề cương môn học/học phần, kế hoạch đào tạo, kết quả học tập, tốt nghiệp...) được lưu trữ thông qua phần mềm quản lý đào tạo, cũng như lưu trữ bằng văn bản bản in tại các bộ phận liên quan, tại các kho lưu trữ của Nhà trường. Việc lưu trữ dữ liệu về hoạt động đào tạo bằng hệ thống văn bản in khá hoàn chỉnh. Dữ liệu về tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp được công khai trên trang web của Nhà trường tại địa chỉ: <http://khaosat.mtu.edu.vn/> và được lưu trữ tại Phòng Quản lý đào tạo. Phòng Quản lý đào tạo chịu trách nhiệm chính trong việc thu thập, xử lý, phân tích và quản lý thông tin đào tạo, tình trạng việc làm của cựu sinh viên.

Nhà trường đã ban hành Quy định về khảo sát ý kiến cựu sinh viên (2016), Quy định về Khảo sát ý kiến của cơ quan/doanh nghiệp về công tác đào tạo (2016); đã xây dựng bộ phiếu khảo sát người học và các đơn vị sử dụng lao động về chất lượng người học sau khi tốt nghiệp. Nhà trường đã có kế hoạch và đã triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường hằng năm, thông qua ý kiến phản hồi của người học và của các đơn vị sử dụng lao động. Trên cơ sở ý kiến phản hồi về chất lượng người học, Nhà trường cũng đã thực hiện một số hiệu chỉnh về CTĐT các ngành.

5) Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Nhà trường đã quan tâm đến công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ; có kế hoạch tuyển dụng và hỗ trợ bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV và NV; đã ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động Nhà trường.

Công tác tuyển dụng, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp uỷ Đảng và Chính quyền được thực hiện một cách rõ ràng, minh bạch. CBVC của Trường được đảm bảo các quyền dân chủ, được tham gia góp ý thông qua việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về chiến lược phát triển, CTĐT, Quy chế Chi tiêu nội bộ và các chủ trương lớn của Trường. Hằng năm Nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ đối với CBVC cho Bộ Xây dựng.

Trong 5 năm qua, các CBQL của Trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý chuyên môn và đảm bảo phẩm chất đạo đức; không có trường hợp vi phạm các quy định về đạo đức và những điều đảng viên không được làm.

Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ đã tạo hành lang pháp lý triển khai các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV được bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ GV đủ về số lượng, đảm bảo phẩm chất đạo đức nhà giáo và năng lực để đáp ứng giảng dạy, đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục của Nhà trường. Tất cả GV đã có và đang học chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, có trình độ chuyên môn và tin học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tỷ lệ SV/GV đảm bảo theo quy định.

Đội ngũ KTV, NV đủ số lượng, được phân công phù hợp chuyên môn, được đánh giá tốt trong hoạt động hỗ trợ.

6) Người học

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác đảm bảo chế độ chính sách cho người học; hướng dẫn việc thực hiện và cập nhật kịp thời các văn bản, quy định trên nhiều kênh khác nhau (trên bảng thông báo của Phòng CTHSSV, trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và các khoa chuyên môn). Nhà trường đã giải quyết đúng và đầy đủ các chế độ chính sách xã hội; đã ban hành các quy định về công tác HSSV, nội quy học đường, nội ngoại trú.

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác khám sức khỏe và BHYT theo quy định y tế học đường, thông qua cơ chế ký kết, phối hợp và ký hợp đồng với Bệnh viện Bộ Xây dựng để khám sức khỏe đầu khóa cho người học. Nhà trường đã có bộ phận y tế chăm lo tình hình sức khỏe cho SV, đã triển khai thực hiện tốt công tác BHYT, bảo hiểm thân thể cho người học.

Nhà trường đã có các quy định cụ thể về việc cấp học bổng khuyến khích học tập, ban hành các quy định về miễn giảm học phí cho SV. Nhà trường đã thành lập và phát huy vai trò hiệu quả của Quỹ Khuyến học nhằm hỗ trợ học bổng cho SV nghèo, SV có hoàn cảnh khó khăn.

Nhà trường đã ban hành quy chế đảm bảo công tác ANTT, có thỏa thuận ký kết về cơ chế phối hợp với các cơ quan địa phương về công tác bảo vệ con người và tài sản, cũng như các biện pháp khác nhằm đảm bảo an toàn, an ninh cho người học trong khuôn viên Nhà trường.

Nhà trường chú trọng đầu tư vào CSVC, trang thiết bị hỗ trợ hoạt động học tập: hệ thống thư viện, thư viện số; hệ thống giảng đường có wifi miễn phí, khu văn hóa TDTT, KTX, căng tin, đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt, rèn luyện TDTT cho SV.

Nhà trường luôn quan tâm và chỉ đạo thường xuyên công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho người học; có nhiều biện pháp, hình thức rèn luyện nhằm giúp người học có nhận thức tốt về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống, cập nhật thông tin về tình hình chính trị, kinh tế-xã hội, thời sự của quốc gia, địa phương. Nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, số lượng người học tham gia lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng tăng lên theo các năm.

Nhà trường đã đầu tư nguồn kinh phí hằng năm cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT. Nhà trường đã tổ chức tốt công tác Đảng, Đoàn, Hội, có kế hoạch và có báo cáo đánh giá việc thực hiện công tác Đoàn, Hội, phong trào thanh niên theo định kỳ hằng năm. Nhà trường đã bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động của Đoàn Thanh niên và Hội SV, và đã tổ chức nhiều hoạt động sinh hoạt ngoại khóa, thiện nguyện, các buổi sinh hoạt chuyên đề (chẳng hạn về Bình đẳng giới, Văn hóa giao tiếp công sở, Phòng chống tác hại của thuốc lá,...), các hoạt động gắn kết cộng đồng (Ngày hội Lái xe an toàn, tiết kiệm nhiên liệu; Thanh niên với văn hóa giao thông,...), qua đó giúp người học nâng cao nhận thức về chính trị, rèn luyện đạo đức lối sống, trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.

Nhà trường đã ban hành các quy định và thực hiện nhiều biện pháp cụ thể, nhằm hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV được thực hiện đúng quy chế, có kế hoạch, có báo cáo kết quả xếp loại rèn luyện, làm cơ sở đánh giá xếp loại, cấp học bổng, xét khen thưởng cho SV.

Phòng CTHSSV là đơn vị chuyên trách lên kế hoạch tổ chức các hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV, cùng với Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động giao lưu với doanh nghiệp thông qua Ngày hội việc làm, tập huấn cho SV một số kỹ năng

hướng nghiệp, tìm việc làm sau khi ra trường. Nhà trường có sự phối hợp tốt của các khoa chuyên môn gửi SV đến thực tập tại các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho SV tiếp cận với thực tế doanh nghiệp trước khi ra trường. Nhà trường đã tiếp cận nhiều thông tin tuyển dụng và thông báo rộng rãi đến SV, cũng như đăng tải kịp thời trên trang thông tin điện tử của Trường, tạo điều kiện cho SV trước khi ra trường sớm tiếp cận với cơ hội việc làm.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định, hướng dẫn cụ thể việc khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của GV (QĐ số 160/QĐ-ĐHXDMT ngày 15/4/2014), và đã tổng hợp ý kiến phản hồi của người học về chất lượng của GV cũng như chất lượng đào tạo của Nhà trường.

7) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy hoạch định hướng NCKH giai đoạn 2012-2015, Quy hoạch định hướng NCKH giai đoạn 2012-2020, Quy hoạch định hướng NCKH giai đoạn 2015-2020 phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030. Nhà trường đã ban hành Quy định Quản lý hoạt động KHCN đối với cán bộ GV và NCKH của SV. Hằng năm Nhà trường đã có báo cáo với Bộ chủ quản (Bộ Xây dựng) về kết quả thực hiện công tác KH&CN của Nhà trường.

Hằng năm Nhà trường lập kế hoạch triển khai thực hiện việc đăng ký, xét duyệt các đề tài NCKH, ký hợp đồng với các chủ nhiệm đề tài được duyệt, tổ chức nghiệm thu đúng quy định và đúng kế hoạch. Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã tổ chức nghiệm thu 69 đề tài cấp Trường, 01 đề tài cấp Tỉnh, 06 đề tài cấp Bộ. Các đề tài thực hiện đúng tiến độ đề ra và hầu hết nghiệm thu đạt loại tốt.

Trong giai đoạn 2012-2017, đội ngũ GV Nhà trường đã có 08 bài báo được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế và 78 bài báo trong các tạp chí chuyên ngành trong nước; ngoài ra còn có các bài viết trong tập san Thông tin Khoa học - Giáo dục của Trường.

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường tập trung vào các hướng chính về xây dựng, kiến trúc, kinh tế, kỹ thuật hạ tầng, khoa học giáo dục, môi trường. Các đề tài NCKH của Nhà trường đã được ứng dụng giải quyết các vấn đề công nghệ, kỹ thuật mới trong xây dựng, các xu hướng sáng tác kiến trúc mới phục vụ cho nhu cầu phát triển KT-XH của Tỉnh Vĩnh Long.

Từ năm 2012 đến nay, một số GV đã ký kết hợp đồng thực hiện các đề tài cấp Tỉnh; ngoài nguồn kinh phí hoạt động KH&CN do Bộ Xây dựng cấp, hằng

năm Nhà trường dành khoản kinh phí hợp lý chi cho các hoạt động KH&CN, như các đề tài NCKH của GV, SV, Thông tin Khoa học - Giáo dục, các hội nghị khoa học...

Hoạt động KH&CN của Nhà trường luôn gắn kết với nhiệm vụ đào tạo; phần lớn các đề tài KH&CN cấp Trường và cấp Khoa được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Nhà trường cũng đã ký kết thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực KH&CN với Trường ĐHBK TP. HCM để thực hiện đề tài cấp Tỉnh.

Căn cứ các quy định của Nhà nước về hoạt động KH&CN, Nhà trường đã ban hành quy định cụ thể về hoạt động KH&CN và tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong NCKH và có hướng dẫn đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ trong Quyết định về quản lý hoạt động KH&CN của Trường.

8) Hoạt động hợp tác quốc tế

Hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường luôn tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, được tổ chức quản lý thông qua Quy định quản lý hoạt động HTQT và Quy chế về quản lý người nước ngoài học tập tại Trường. Nhà trường đã ký các Biên bản ghi nhớ với các CSGD đại học nước ngoài. Hoạt động HTQT về đào tạo trong 5 năm qua được tổ chức khá đa dạng thông qua các chương trình hợp tác cử CBQL, GV và SV đi tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực giảng dạy ở các trường ĐH quốc tế, và tiếp nhận nhiều lượt GV, SV của các trường đối tác quốc tế đến hợp tác và làm việc, học tập tại trường. Trong giai đoạn 2012 – 2017 Nhà trường bắt đầu chú ý đến các hoạt động HTQT nhằm nâng cao năng lực NCKH cho GV. Nhà trường đã đảm nhận vai trò đơn vị đăng cai cho một số hội thảo quốc tế và tạo điều kiện cho một số GV tham gia hội thảo khoa học quốc tế trên địa bàn.

9) Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Thư viện Trường gồm khối nhà 2 tầng với diện tích sử dụng 859,6m² có 1.999 đầu sách với 25.729 bản, 17 loại tạp chí chuyên ngành, 10 đầu báo đã đáp ứng được nhu cầu dạy và học của GV, SV. Số lượng phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng cho hoạt động đào tạo và NCKH. Hệ thống phòng học, giảng đường, hội trường được trang bị hệ thống chiếu sáng, quạt, hệ thống âm thanh, máy chiếu. Các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được trang bị các dụng cụ, thiết bị cần thiết phục vụ các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường sử dụng nhiều đường truyền cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ internet cho các phòng máy tính, phòng tra cứu thông tin tại Thư viện, phòng Lab, nhà làm việc, hội trường,..., cung cấp internet miễn phí phục vụ hoạt

động giảng dạy, học tập, nghiên cứu của CB, GV và SV. Các đơn vị, CBQL, GV, NV được cung cấp email công vụ và tài khoản để truy cập internet, trao đổi công việc cá nhân và đơn vị phụ trách. Nhà trường sử dụng các phần mềm có bản quyền, phục vụ hoạt động dạy-học, NCKH và quản lý.

Trường có 02 khu KTX 05 tầng tổng diện tích 4.210m² với 78 phòng ở, giải quyết được 624 chỗ ở cho SV với tỷ lệ 3,5m²/SV. KTX được xây dựng ngay trong khuôn viên Nhà trường, được trang bị đầy đủ phương tiện sinh hoạt cần thiết, thiết bị PCCC, có căn-tin đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của Bộ Y tế và đáp ứng phục vụ nhu cầu ăn uống của CB, GV, SV. Các phòng làm việc của các đơn vị trong trường được trang bị đầy đủ tiện nghi, trang thiết bị như bàn ghế, điều hòa nhiệt độ, máy vi tính, máy in và các thiết bị văn phòng khác, theo đúng quy định về diện tích phòng làm việc, các điều kiện cần thiết của một phòng làm việc.

Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC, thể hiện rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030. Nhà trường đã lập bản đồ tỷ lệ 1/500 về quy hoạch tổng thể của Trường và đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của bộ phận chuyên trách công tác bảo vệ, trật tự, an toàn và an ninh. Bên cạnh đó cũng đã có các nội quy, quy định về PCCC tại các nhà làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà giáo dục thể chất, KTX, nhà ăn, căn-tin,... Đồng thời, niêm yết công khai các quy định về nội quy để CB, GV, NV và sinh viên Nhà trường thực hiện. Tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng làm việc, KTX được trang bị hệ thống thiết bị PCCC và được lực lượng cảnh sát PCCC kiểm tra định kỳ. Nhà trường chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự và quản lý SV nội, ngoại trú; có văn bản ký kết với Công an Phường 3, thành phố Vĩnh Long về việc phối hợp công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong và xung quanh trường học.

10) Tài chính và quản lý tài chính

Nhà trường có nguồn thu tài chính đa dạng từ nhiều nguồn. Cơ cấu nguồn thu hiện nay của Trường chủ yếu là NSNN cấp (trên 60%), thu từ học phí tăng hằng năm (từ 29% đến 41%), các nguồn thu khác cũng tăng (năm 2016 đến 11%). Trong những năm qua, nguồn thu học phí trong điều kiện không tăng quy mô, chỉ dựa vào lộ trình tăng học phí do Chính phủ quy định nhưng Nhà trường đã thực hiện tốt việc cân đối thu chi nhằm đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường. Nhà trường đã trích lập các quỹ phục vụ cho hoạt động theo quy định Nhà nước. Hằng năm, hoạt động tài chính của Nhà trường

được báo cáo quyết toán một cách đầy đủ và được cấp trên phê duyệt theo đúng chế độ quy định. Hoạt động tài chính được báo cáo công khai tại Hội nghị CBVC hằng năm. Các đợt thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng về số liệu quyết toán tài chính hằng năm đều xác nhận kết quả hoạt động tài chính của Nhà trường đã được thực hiện đúng, phù hợp với các quy định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Công tác lập kế hoạch tài chính hằng năm và quản lý tài chính được thực hiện theo đúng quy định. Việc lập dự toán thu chủ yếu dựa trên Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ các lĩnh vực hoạt động cho từng đơn vị. Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Xây dựng, Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch chi căn cứ chủ yếu vào tình hình thực hiện chi của năm trước đó. Nhà trường ban hành và thường xuyên điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, đây là căn cứ để Trường thực hiện các khoản chi. Công tác kế toán được thực hiện bằng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp Misa Mimosa. Các nội dung và nghiệp vụ kế toán đều có đầy đủ chứng từ và đúng với quy định Nhà nước. Nhà trường thực hiện đúng việc công khai tình hình tài chính tại Hội nghị CBVC hằng năm. Các báo cáo thanh tra của Bộ Xây dựng, kiểm toán và thanh tra nhân dân xác nhận cơ bản hoạt động quản lý tài chính và tuân thủ kế toán của Nhà trường đạt yêu cầu.

Nhà trường đã thực hiện tốt cân đối các khoản mục chi căn cứ vào mức chi các năm trước liền kề và dự toán thu năm hiện tại. Tài chính của Trường được phân bổ theo từng nhóm, mục chi đúng theo nguyên tắc, quy định của Nhà nước. Trên cơ sở dự toán ngân sách phê duyệt và các nguồn thu hợp pháp, Nhà trường đã thực hiện việc phân bổ các nguồn này một cách hợp lý, đảm bảo thực hiện các kế hoạch của Nhà trường cũng như đảm bảo điều kiện cần thiết cho CBVC, người học và các hoạt động khác. Công tác tài chính của Trường được phân bổ hợp lý, ưu tiên đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường và nâng cao chất lượng đội ngũ, hỗ trợ kinh phí cho cán bộ đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ khuyến khích SV học tập. Các khoản chi lớn đều được dự toán, các khoản chi thường xuyên thực hiện theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Công tác quyết toán thu chi, kế hoạch phân bổ kinh phí và dự toán thu chi hàng năm của Trường được thực hiện công khai. Các khoản chi đều có sự kiểm soát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chứng từ kế toán rõ ràng, chính xác, cập nhật kịp thời vào sổ sách kế toán, đồng thời chấp hành sự kiểm tra của cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật. Kết quả kiểm toán nội bộ giai đoạn 2012 - 2017 và kiểm toán Nhà nước năm 2016 thể hiện Nhà trường đã phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả.

PHỤ LỤC 3

CÁC KHUYẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)

1) Sứ mạng và mục tiêu trường đại học

Nhà trường cần có kế hoạch tham khảo ý kiến của các bên liên quan bên ngoài; tiếp tục triển khai khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực phát triển KT-XH tại các địa phương ĐBSCL (không chỉ có Tỉnh Vĩnh Long) và của ngành Xây dựng để có thêm cơ sở dữ liệu cho việc bổ sung, điều chỉnh sứ mạng và định hướng phát triển của Trường.

Nhà trường cần rà soát và xây dựng lộ trình cụ thể cho mục tiêu phát triển; cần xây dựng kế hoạch trung hạn, nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch năm học theo mục tiêu đã đề ra. Đảng ủy Trường cần xác định mục tiêu phát triển và mục tiêu cụ thể trong các văn bản, Nghị quyết của Đảng; nên phối hợp chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu đã xác định. Nhà trường cũng cần xây dựng kế hoạch giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện các mục tiêu của Trường trong từng giai đoạn làm cơ sở cho việc điều chỉnh mục tiêu.

2) Tổ chức và quản lý

Nhà trường nên rà soát, điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục đại học ban hành năm 2013 và Điều lệ trường đại học ban hành năm 2014; sớm thành lập bộ phận thanh tra – pháp chế; tiếp tục kiện toàn Hội đồng KH&ĐT, mời những nhà khoa học uy tín liên quan ngoài trường tham gia nhằm thúc đẩy các hoạt động đào tạo và KHCN hiệu quả hơn.

Nhà trường cần tổ chức rà soát và đánh giá việc triển khai thực hiện các quy trình soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản theo quy định đã ban hành; cập nhật kịp thời các quy định, quy chế của các cấp liên quan đảm bảo nội dung văn bản được cập nhật theo quy định. Nhà trường cần kiểm tra việc thực hiện các quy định về soạn thảo và ban hành văn bản, đảm bảo các văn bản ban hành đúng hình thức, thống nhất và phù hợp về nội dung trong một văn bản cũng như trong hệ thống văn bản; cần thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ các đơn vị về nghiệp vụ soạn thảo và ban hành văn bản; triển khai hoạt động giám sát đánh giá việc thực hiện Quy chế công tác văn thư, lưu trữ đã được ban hành.

Khi thành lập đơn vị mới cần ban hành kịp thời quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị và cá nhân để đảm bảo hoạt động được triển khai đúng chức năng và đáp ứng yêu cầu thành lập đơn vị; cần kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị để có sự điều chỉnh cho phù hợp và hiệu quả.

Đảng bộ cần đưa định hướng và mục tiêu phát triển vào Nghị quyết của Đảng. Nhà trường cũng cần có kế hoạch chính thức thành lập Hội Cựu sinh viên giúp tăng cường sự liên hệ gắn kết giữa các SVTN cũng như giữa SVTN và Trường; nên có kế hoạch thành lập Hội Cựu giáo chức.

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch dài hạn về ĐBCL; cần bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ và xây dựng mạng lưới ĐBCL từ cấp Trường đến cấp Khoa và đơn vị nhằm triển khai đồng bộ các hoạt động ĐBCL. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch trung hạn và ngắn hạn phù hợp với xu hướng phát triển chung cũng như cân đối các nguồn lực để xác định các giải pháp khả thi nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Nội dung, mục tiêu và các giải pháp của chiến lược phát triển nên đưa vào Nghị quyết của Đảng ủy, cũng như xây dựng nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch năm học của Trường. Nhà trường cần có kế hoạch định kỳ để giám sát, đánh giá việc triển khai chiến lược đã đề ra.

Nhà trường cần thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn, an ninh cho việc lưu trữ các văn bản và các tài liệu quan trọng khác; cần sớm hoàn thành việc lưu trữ tài liệu theo dạng bản mềm đồng thời có biện pháp bảo đảm an toàn dữ liệu được lưu trên máy tính.

3) Chương trình đào tạo

Nhà trường cần lập kế hoạch thực hiện một cách chi tiết, nghiên cứu kỹ các văn bản quy phạm pháp luật về việc điều chỉnh/xây dựng CTĐT theo CĐR; cần xây dựng và thực hiện đúng các quy trình thành lập nhóm điều chỉnh/xây dựng chương trình, lấy ý kiến của đầy đủ các bên tham gia. Đội ngũ CBQL cấp Khoa, Phòng và GV cần được tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp thiết kế CĐR của CTĐT, CĐR của học phần, cấu trúc CTĐT, cấu trúc bài giảng. Nhà trường nên phát triển các CTĐT chất lượng cao, CTĐT gắn với việc làm, các chương trình tiên tiến bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Nhà trường cần xây dựng quy trình bài bản, hệ thống, thiết kế các công cụ thu thập thông tin đảm bảo độ tin cậy và phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể cho các tổ chức, cá nhân trong trường để thực hiện lấy ý kiến của các bên liên quan. Nhà trường cần tăng cường ĐBCL cho công tác tổ chức đào tạo của tất cả các CTĐT, đặc biệt là điều kiện cơ sở vật chất, thư viện, thông tin trợ giúp học tập và NCKH; cần chú trọng hơn nữa việc xây dựng CĐR gắn liền với cơ sở thực tiễn đời sống và nhu cầu của thị trường lao động; cần đảm bảo đủ nội dung theo quy định cho học phần “Pháp luật đại cương”. Nhà trường cần tiến hành định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT một cách hệ thống, sử dụng các nghiên cứu, dự báo nhu cầu nhân lực của ngành, của địa phương, dự báo những thay đổi trong chính sách, quy định của ngành, của Nhà nước, với sự tham gia của đầy đủ các bên liên quan như cựu SV, các nhà tuyển

dụng. Nhà trường cần đổi mới 3 nội dung liên quan mật thiết tới CTĐT là phương pháp giảng dạy, học tập tích cực, kỹ thuật kiểm tra đánh giá theo CDR. Nhà trường cần xây dựng chính sách, quy định, ký kết hợp tác để tạo điều kiện cho SV được học song bằng, chuyển đổi ngang giữa các ngành gần trong Nhà trường; chuyển đổi tín chỉ, liên thông ngang với các trường ĐH khác trong khu vực ĐBSCL; ký kết thỏa thuận học chuyển tiếp trình độ đại học với các trường ĐH ở khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Nhà trường cần sớm xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch TĐG, đánh giá chất lượng đồng cấp các CTĐT đã có sinh viên tốt nghiệp. Nhà trường nên có lộ trình cụ thể, rõ ràng để thực hiện được kế hoạch KĐCLGD cấp CTĐT và xây dựng kế hoạch cải tiến CLGD tổng thể.

4) Hoạt động đào tạo

Nhà trường cần tận dụng đội ngũ GV có trình độ cao hiện có, nhằm triển khai xây dựng và đào tạo một số chuyên ngành trình độ thạc sĩ phù hợp, xây dựng và triển khai một số CTĐT liên kết quốc tế..., dựa trên nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và khu vực ĐBSCL.

Nhà trường cần bổ sung vào các phiếu khảo sát, đồng thời cần thường xuyên tổ chức khảo sát người học nội dung về sự linh hoạt, mềm dẻo của việc triển khai học chế tín chỉ, trên cơ sở đó hoàn thiện hệ thống đào tạo tín chỉ.

Nhà trường cần tổ chức khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV đối với tất cả các học phần, bổ sung nội dung khảo sát ý kiến người học về việc tạo điều kiện phát triển năng lực tự học của SV; cần định kỳ triển khai bồi dưỡng GV về phương pháp đánh giá kết quả người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm.

Nhà trường nên xem xét hạ bớt trọng số điểm thi kết thúc học phần, đồng thời, hoặc bổ sung đầy đủ cách thức kiểm tra đánh giá các học phần đối với điểm chuyên cần và điểm thi kết thúc học phần vào ĐCCT từng học phần, hoặc ủy quyền cho Trưởng khoa/bộ môn quy định bằng văn bản cách thức kiểm tra đánh giá đối với từng học phần và thông báo đến người học ngay từ đầu học kỳ.

Nhà trường cần thường xuyên rà soát cập nhật văn bản quy định mới về đào tạo của Bộ GD&ĐT. Nhà trường cần ban hành quy định về lưu trữ các tài liệu chuyên môn về đào tạo theo tinh thần Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016, nhằm tạo thuận lợi cho công tác lưu trữ tài liệu chuyên môn về đào tạo tại các đơn vị; cần kiểm tra lại sổ cấp bằng, hạn chế các sai sót dù nhỏ; cần tổ chức lại việc sắp xếp có khoa học hơn hồ sơ lưu trữ tại các đơn vị và các khoa.

Nhà trường cần công khai tình hình việc làm của SVTN trên trang thông tin điện tử (lưu trong mục công khai), theo tinh thần Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017, Công văn số 2919/BGDĐT-GDĐH ngày 10/7/2017.

Nhà trường cần thống kê tình hình việc làm đúng ngành nghề đào tạo, tình hình thu nhập của SVTN; cần khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của người học hệ liên thông đại học CQ và không CQ.

Nhà trường cần rà soát lại các phiếu khảo sát người học và nhà sử dụng lao động, nhằm bao quát hơn nữa về các mặt của hoạt động đào tạo; cần nâng cao số lượng mẫu khảo sát đối với người sử dụng lao động, cựu người học; cần thống kê ý kiến khảo sát riêng cho từng ngành đào tạo; cần kịp thời triển khai điều chỉnh hoạt động đào tạo dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

5) Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Nhà trường cần rà soát chiến lược phát triển nhân lực, quan tâm công tác quy hoạch, kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng để phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường trong giai đoạn sắp đến. Nhà trường cần tiếp tục tăng cường các chính sách hỗ trợ để tăng cường đội ngũ có chất lượng, đảm bảo các CBQL, GV, NV được bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn hơn nữa nhằm đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy, nghiệp vụ, khắc phục sớm tình trạng CBQL chưa đủ chuẩn theo Điều lệ trường đại học.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ ĐT và NCKH, Nhà trường cần cân đối cơ cấu đội ngũ, thời lượng giữa giảng dạy và tham gia các hoạt động NCKH, xây dựng quy định để GV đảm bảo được giờ NCKH. Khi xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ và kế hoạch tuyển dụng, ngoài việc đáp ứng nhu cầu cho từng đơn vị, Nhà trường cần chú ý cơ cấu GV cơ hữu được cân đối theo thâm niên. Nhà trường cũng cần rà soát trình độ ngoại ngữ và khuyến khích CBQL, GV, NV nâng cao trình độ ngoại ngữ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trong xu thế hội nhập hiện nay.

Để thực hiện tốt và đầy đủ Quy chế dân chủ cơ sở, Nhà trường nên rà soát, ban hành quy trình về tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo nhằm đảm bảo tính pháp lý và tạo điều kiện cho Nhà trường phát huy tối đa quyền dân chủ trực tiếp của CBVC và SV đối với các hoạt động của Trường.

6) Người học

Nhà trường cần cụ thể hóa kế hoạch cho các khoa chuyên môn tham gia tuần sinh hoạt công dân, phổ biến cụ thể các thông tin về CTĐT, hình thức kiểm tra đánh giá, cách tiếp cận và phương pháp học tập đặc thù đối với từng chuyên ngành đào tạo.

Nhà trường cần có quy định thống nhất về trọng số của các điểm thành phần đánh giá các học phần môn học, nêu rõ hình thức thi/kiểm tra/bài tập lớn, đảm bảo tính đồng bộ trong miêu tả CTĐT và ĐCCT các học phần môn học của các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường cần huy động nhiều hơn các nguồn tài trợ hỗ trợ học tập SV theo chuyên ngành đào tạo dưới hình thức học bổng hay giải thưởng (Kiến trúc xanh, Vật liệu xanh, Đô thị bền vững) trao trực tiếp từ địa chỉ các nhà tài trợ, các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn; Nhà trường cần pháp lý hóa các văn bản thể hiện cam kết tài trợ từ các doanh nghiệp, tôn vinh các doanh nghiệp có đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường, tạo tiền đề kết nối mạnh mẽ hơn giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong mọi hoạt động đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.

Nhà trường nên ban hành văn bản quy định việc đảm bảo an toàn, ANTT trong Nhà trường, có văn bản hướng dẫn quy trình giải quyết các vấn đề về ANTT, các vụ việc xảy ra trong trường và trong khu vực KTX.

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về hiệu quả trong thay đổi nhận thức, hành vi, thái độ của SV khi được tham gia vào các công tác thiện nguyện, phục vụ cộng đồng, qua đó đề xuất những biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác rèn luyện chính trị, đạo đức cho SV. Nhà trường cần có giải pháp nhằm phát huy tính tự giác của người học trong việc tham gia các hoạt động giáo dục, hoạt động phong trào của Đoàn, Hội trong Nhà trường. Nhà trường cần có biện pháp nhằm thúc đẩy hơn nữa công tác bồi dưỡng, kết nạp Đảng viên mới, nâng tỷ lệ Đảng viên mới được kết nạp vào hàng ngũ của Đảng.

Nhà trường cần sớm thành lập Trung tâm Hỗ trợ SV và QHDN. Một khi được thành lập, Trung tâm này sẽ là đơn vị đầu mối tạo mọi kết nối, tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV, chẳng hạn qua các diễn đàn trao đổi giữa doanh nghiệp và SV, diễn đàn mô phỏng SV và cơ hội việc làm, mời các doanh nghiệp chia sẻ cập nhật thông tin mới về thị trường lao động, ký kết hợp tác với các doanh nghiệp trong việc đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp, hướng dẫn SV thực tập, tổ chức các hoạt động tham quan thực tế tăng khả năng tiếp cận nhiều hơn của SV với thực tiễn lao động trước khi ra trường.

Nhà trường cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Nhà trường trong việc lên kế hoạch và triển khai các hoạt động lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV tốt nghiệp. Các đơn vị tham mưu cần thực hiện phân tích, đánh giá kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV từng ngành, lấy góp ý từ các cựu người học, nhà tuyển dụng, từ đó đề xuất những biện pháp khắc phục, lên kế hoạch, lộ trình điều chỉnh chương trình, nâng cao năng lực ngoại ngữ, tích hợp phát triển kỹ năng mềm trong CTĐT và hoạt động ngoại khóa như phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, kỹ

năng phối hợp tổ chức sự kiện, nhằm tăng khả năng và tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, thích ứng tốt hơn với môi trường lao động.

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch và chương trình hành động “SV với việc làm”, phát huy vai trò của Phòng Công tác HSSV và Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ với doanh nghiệp (trong tương lai), phối hợp với các sở ngành địa phương, Tỉnh đoàn, Trung ương Hội trong việc tổ chức các lớp tập huấn về tinh thần kinh doanh, khởi nghiệp, kỹ năng mềm, liên kết với các doanh nghiệp trong hỗ trợ SV với cơ hội việc làm (CV số 3283/BGDĐT-CTHSSV ngày 06/7/2016).

Nhà trường cần xây dựng các biện pháp nâng cao hiệu quả trong việc thu thập thông tin về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng giữa các phòng/khoa chức năng trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về cựu người học, cập nhật tình hình việc làm của SV sau khi ra trường.

Nhà trường nên đề xuất thành lập Hội Cựu SV nhằm hỗ trợ Nhà trường trong việc kết nối SV với môi trường lao động, tạo điều kiện thuận lợi cùng Nhà trường chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với SV sắp tốt nghiệp, kết nối với cơ hội việc làm, rút ngắn khoảng cách Nhà trường và doanh nghiệp.

Nhà trường cần đa dạng hóa việc triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV bằng nhiều hình thức khác nhau, kết hợp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo tính hiệu quả và tăng độ tin cậy đối với công tác đánh giá chất lượng giảng dạy của GV và chất lượng đào tạo của Nhà trường. Nhà trường cần thực hiện việc báo cáo tổng hợp tình hình chất lượng giảng dạy của GV, chất lượng đào tạo của Nhà trường, và đưa ra giải pháp cải tiến liên tục chất lượng giảng dạy của GV và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường cần phổ biến rộng rãi kế hoạch thực hiện việc khảo sát, quy trình xử lý dữ liệu sau khảo sát, đảm bảo dữ liệu từ khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV vừa góp phần nâng cao và cải tiến chất lượng đào tạo, vừa đảm bảo tính bảo mật, chuyên nghiệp và gìn giữ đạo đức nghề nghiệp cho GV.

7) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Nhà trường cần xây dựng chiến lược phát triển KHCN cho từng giai đoạn cụ thể hơn, đưa ra các chỉ số và tiêu chuẩn cần phấn đấu cho từng giai đoạn, lên kế hoạch và lộ trình thực hiện với các mục tiêu cụ thể. Nhà trường cần xác định rõ nguồn lực tài chính cũng như nguồn lực CSVC và đội ngũ cần thiết để đáp ứng nhu cầu triển khai hiệu quả các hoạt động NCKH đã xác định trong kế hoạch phát triển KHCN từng giai đoạn. Nhà trường cần rà soát việc thực hiện kế hoạch KHCN cho từng giai đoạn, tiến hành báo cáo, đánh giá kết quả hoạt động KHCN mỗi năm để làm căn cứ điều chỉnh và xây dựng kế hoạch cho các năm tiếp theo.

Nhà trường cần xây dựng chính sách, giải pháp để khuyến khích các cán bộ GV chủ trì hoặc phối hợp tham gia với các cơ sở giáo dục khác để thực hiện đề tài NCKH ở cấp Bộ, cấp Nhà nước. Nhà trường nên có các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho cán bộ GV trẻ tham gia các hoạt động KHCN hoặc cùng phối hợp với các cán bộ có kinh nghiệm trong các nhóm giảng dạy-nghiên cứu thực hiện các đề tài KHCN có quy mô lớn. Cần phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện của các đề tài một cách thường xuyên, nghiêm túc.

Nhà trường nên xây dựng các giải pháp tăng cường HTQT, khuyến khích cán bộ GV đăng thêm bài báo ở tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế có uy tín được nêu trong danh mục tạp chí được tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước. Nhà trường nên có kế hoạch nâng cấp tạp san “Thông tin Khoa học - Giáo dục” thành Tạp chí Khoa học và Công nghệ để có thể được đưa vào danh mục của Hội đồng chức danh GS Nhà nước. Nhà trường cần có quy định yêu cầu các đề tài NCKH cấp Trường trở lên phải có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, nhằm nâng cao chất lượng của đề tài NCKH và tăng số lượng bài báo được công bố.

Nhà trường cần kết nối với các doanh nghiệp và phát huy các hướng nghiên cứu có tính ứng dụng cao để đề xuất các đề tài phù hợp với sự phát triển của doanh nghiệp, của xã hội và địa phương. Nhà trường cần tích cực hơn trong việc thu hút các cán bộ khoa học đầu tàu về công tác tại trường cũng như tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, đối tác, tổ chức xã hội, chính quyền,... để phát hiện và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội có quy mô lớn, tác động mạnh đối với nền kinh tế, cộng đồng tại địa phương cũng như cả nước. Nhà trường cần khuyến khích hơn nữa và có các giải pháp tích cực khuyến khích sự tham gia của nhiều cán bộ GV, các nhóm nghiên cứu trong việc phát hiện, xây dựng, thực hiện các hoạt động KHCN có mức độ ứng dụng và thực tiễn cao. Nhà trường cần khai thác thế mạnh của một số ngành chủ đạo, xây dựng nhóm nghiên cứu cho lĩnh vực xây dựng, quy hoạch đô thị và môi trường.

Nhà trường nên có quy định phân bổ chi từ nguồn thu cho hoạt động KHCN cụ thể; cần có chính sách, quy định nhằm khuyến khích thúc đẩy việc hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa các GV của Trường với các doanh nghiệp, các đối tác trong nước và quốc tế, gắn hoạt động NCKH với thực tiễn và hoạt động sản xuất của doanh nghiệp để có được các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ thực sự đem lại nguồn thu cho Nhà trường. Nhà trường cần phải thành lập và phát triển các nhóm nghiên cứu để tham gia các đề tài NCKH trọng điểm quốc gia, các đề tài liên kết với địa phương nhằm tạo được các sản phẩm đặc trưng để chuyển giao công nghệ tạo nguồn thu cho Trường.

Nhà trường cần có chính sách khuyến khích và đẩy mạnh việc hợp tác với các doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước, các tổ chức xã hội, các cơ quan Nhà nước ở các tỉnh thành khác nhau. Nhà trường cần có các giải pháp kết nối GV và SV với doanh nghiệp trong việc định hướng xây dựng đề tài khoa học từ thực tiễn doanh nghiệp, có sự tham gia của doanh nghiệp trong việc hướng dẫn các đề tài KHCN, luận văn của SV, có như vậy mới đẩy mạnh tính ứng dụng thực tiễn của các hoạt động NCKH của SV, và cũng tạo thêm năng lực tìm kiếm việc làm của người học.

Nhà trường nên có chính sách khuyến khích, biện pháp hỗ trợ (kinh phí và hỗ trợ kỹ thuật) tạo điều kiện để có nhiều cán bộ GV có phát minh sáng chế, giải pháp công nghiệp, sở hữu trí tuệ cho bản thân và Nhà trường. Nhà trường tăng cường phổ biến, tuyên truyền và bố trí chuyên viên Phòng KH&HTQT hỗ trợ GV trong việc thực hiện các hồ sơ, thủ tục đăng ký quyền sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả.

8) Hoạt động hợp tác quốc tế

Nhà trường cần nhanh chóng xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển HTQT trung hạn và dài hạn, có mục tiêu và chỉ số cụ thể, cùng với chương trình hành động nhằm đáp ứng được các mục tiêu đặt ra và phục vụ Sứ mạng (hội nhập quốc tế), Tầm nhìn (hòa nhập với các trường đại học Đông Nam Á), Giá trị cốt lõi (Hội nhập: Đạt chuẩn trong nước và khu vực Đông Nam Á) mà Nhà trường đã ban hành. Nhà trường cần có chiến lược và kế hoạch để đa dạng hóa loại hình HTQT về đào tạo thông qua các CTĐT liên kết quốc tế, hợp tác với trường ĐH quốc tế có uy tín để xây dựng CTĐT theo mô hình CTTT, chương trình chất lượng cao (theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT). Qua đó Nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo và thu hút người học đối với các ngành, chuyên ngành đang có nhu cầu cao ở khu vực ĐBSCL và trong nước, đáp ứng mục tiêu hội nhập khu vực và phục vụ cộng đồng kinh tế chung ASEAN. Nhà trường nên phân tích hiện trạng và có giải pháp thúc đẩy gia tăng số lượng bài báo, báo cáo công bố chung với các CSGD quốc tế có uy tín. Bên cạnh đó, Nhà trường cần tranh thủ các mối HTQT để đẩy mạnh tổ chức hội thảo, hội nghị khoa quốc tế có phản biện kín tại trường hoặc tại khu vực ĐBSCL. Nhà trường cần xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành và xuyên ngành, tiếp cận với các hướng nghiên cứu mới cho các ngành thế mạnh của Trường (Xây dựng, Kiến trúc, Hạ tầng đô thị), tiên phong trong đổi mới sáng tạo, nâng cao số lượng các đề tài hợp tác NCKH và các công trình công bố chung trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới. Bên cạnh đó, Nhà trường nên khai thác đặc thù và chiến lược phát triển khu vực ĐBSCL để mời các nhà nghiên cứu quốc

tế cùng xây dựng các chương trình KHCN ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tế phục vụ phát triển KT-XH tại khu vực.

9) Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Nhà trường sớm có kế hoạch tổ chức lại bộ phận nhân sự của Trung tâm thông tin thư viện theo hướng một đơn vị độc lập trực thuộc Ban Giám hiệu. Tăng cường đội ngũ cán bộ chuyên trách đảm bảo về số lượng, đáp ứng chất lượng, ưu tiên tuyển chọn những cán bộ có bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng thư viện. Nhà trường có kế hoạch từng bước tăng cường tiềm lực (CSVC, trang thiết bị, nhân lực) cho Trung tâm thông tin thư viện, trong đó ưu tiên nguồn lực để hoàn thiện thư viện điện tử; tìm kiếm, xác lập các đối tác trong hoạt động HTQT với các trường đại học quốc tế và khu vực, để tận dụng mọi điều kiện có thể kết nối với hệ thống thư viện của đối tác trong việc liên kết, chia sẻ nguồn tài nguyên và cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH, học tập của CB, GV, người học. Hằng năm, trong kế hoạch công tác tài chính Nhà trường cần có lộ trình tăng theo tỷ lệ % kinh phí để bổ sung, cập nhật hệ thống học liệu phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của GV và người học.

Nhà trường cần có kế hoạch tách phòng thực hành, thí nghiệm của 03 ngành đào tạo (Xây dựng, Giao thông, Nước) thành 03 phòng độc lập để thuận lợi cho GV và SV triển khai kế hoạch đào tạo, NCKH. Nhà trường cần có kế hoạch định kỳ đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị trong các phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH của GV và người học. Báo cáo cần được công bố công khai để tranh thủ ý kiến của GV, CBVC, người học, để trên cơ sở đó mọi thành viên của Nhà trường thấy rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình trong việc sử dụng, bảo quản tài sản của tập thể; Nhà trường cần có kế hoạch sửa chữa, bổ sung, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH của GV và người học.

Nhà trường cần có kế hoạch rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng toàn bộ hệ thống CNTT cùng với ý kiến phản hồi từ các bên liên quan trong Trường (CB, GV, NV, SV) để xây dựng kế hoạch đầu tư, bổ sung, phát triển hệ thống tin học của đơn vị. Trước mắt, ưu tiên tập trung hoàn thiện hệ thống wifi và các thiết bị tin học, tăng cường số lượng máy tính (trong đó có thay thế những máy tính có cấu hình cũ, lạc hậu) phục vụ cho các hoạt động giảng dạy, học tập của GV và SV. Nhà trường rà soát, kiểm tra toàn diện KTX để có phương án cải tạo một số phòng ở (không có người sử dụng) thành các phòng sinh hoạt chung, phòng tự học, phòng tiếp khách; thay thế các bảng nội quy PCCC, các bảng tiêu lệnh chữa cháy, đảm bảo hệ thống wifi tại khuôn viên KTX để tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong sinh hoạt, mà còn tạo sự hấp dẫn để có nhiều SV đăng ký vào ở KTX của Trường.

Nhà trường sớm có kế hoạch tập trung xây dựng khu B với những công trình hiện đại hướng tầm nhìn đến năm 2030 chủ yếu phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH, HTQT. Nhà trường triển khai xây dựng Đề án quy hoạch tổng thể phát triển CSVC của Trường đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2030 (có dự báo diện tích đất đai), trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở thực hiện đề án xây dựng. Nhà trường cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể trên cơ sở thực trạng xây dựng hệ thống CSVC hiện tại; để từ đó có kế hoạch đầu tư cụ thể, đặc biệt là nguồn kinh phí (nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn thu hợp pháp của trường, nguồn xã hội hóa,...) cần được xác định rõ ràng. Trên cơ sở đó, Nhà trường trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

Nhà trường sớm ban hành quy định/nội quy về đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự trong khuôn viên đơn vị và phổ biến, quán triệt cho tất cả cán bộ, GV, NV, người học. Quy định/nội quy này cần được công bố công khai trong khuôn viên của Trường để tất cả các đơn vị, cá nhân biết và thực hiện. Hằng năm, Nhà trường cần phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an Tỉnh Vĩnh Long tổ chức tập huấn/diễn tập PCCC cho CBVC, người học, để giúp mọi thành viên của đơn vị làm quen với các trang thiết bị, kỹ thuật, nghiệp vụ của công tác PCCC; đồng thời nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong công tác PCCC và bảo vệ an ninh, an toàn tính mạng con người và tài sản của tập thể.

Nhà trường nên thường xuyên/định kỳ tổ chức lấy ý kiến góp ý của GV, CBVC, NV, SV với nhiều thành phần tham gia cùng nhiều hình thức (phiếu khảo sát, hội nghị CBVC các cấp, hội nghị các đoàn thể,...) về mức độ hài lòng đối với hệ thống CSVC, trang thiết bị, thư viện... Các ý kiến góp ý cần được tổng hợp, phân tích, công khai và là kênh thông tin quan trọng giúp lãnh đạo trường, các đơn vị chức năng tham khảo trong việc rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC của Trường.

10) Tài chính và quản lý tài chính

Nhà trường cần sớm ban hành kế hoạch và lộ trình thực hiện tự chủ tài chính với những giải pháp căn bản nhằm tăng nguồn thu, như thực hiện đào tạo chương trình chất lượng cao và sau đại học với các ngành có thế mạnh của trường, mở rộng các loại hình liên kết đào tạo, tham gia đào tạo, bồi dưỡng với các địa phương, doanh nghiệp; tăng cường hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. Nâng cao hiệu quả của Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học trong việc đào tạo và cấp chứng chỉ theo CĐR của sinh viên; Nâng cao năng lực của Trung tâm đào tạo thường xuyên trong việc liên kết đào tạo với các trường đại học khác, phát huy hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng và Trung tâm tư vấn xây dựng; Xây dựng quy chế hoạt động cho Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng để tạo nguồn thu

hợp pháp cho Nhà trường. Nhà trường cần làm tốt hơn nữa công tác phân tích tài chính để xây dựng kế hoạch tự chủ tài chính hiệu quả. Đặc biệt, Nhà trường cần điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở bổ sung Nghị định 99/2014/NĐ-CP về quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các CSGD đại học.

Nhà trường cần chú trọng xây dựng kế hoạch tài chính trung và dài hạn trên cơ sở chiến lược xây dựng và phát triển đã phê duyệt. Hơn nữa, Nhà trường cần chủ động và phân tích kỹ hiệu quả của việc sử dụng kinh phí cũng như việc phân bổ kinh phí cho các hoạt động. Nhà trường cần có kế hoạch thực hiện nghiêm túc các kiến nghị về công tác quản lý tài chính theo Báo cáo kiểm toán nhà nước năm 2016.

Cần phân tích rõ hơn tình hình và hiệu quả sử dụng kinh phí cho các hoạt động đào tạo, NCKH để rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời cho kế hoạch tài chính của những năm tiếp theo. Nhà trường cũng nên cần có giải pháp tích cực để tăng nguồn thu hợp pháp bổ sung chi cho NCKH nhằm đẩy mạnh, nâng cao kết quả và hiệu quả hoạt động NCKH của GV và SV.